BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

1. **Thông tin chung**
2. Tên khóa học tiếng Việt: Kế Toán Quốc Tế 1

Mã khóa học: ACCO1332

Tên khóa học bằng tiếng Anh: International Accounting 1

1. Phương thức giảng dạy:

☒ FTF ☐ Trực tuyến ☐ Trộn lẫn

1. Ngôn ngữ giảng dạy:

☒ Tiếng Việt ☐ tiếng Anh ☐ Cả hai

1. Kỹ năng kiến ​​thức:

☐ Giáo dục đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Cơ sở kiến ​​thức ☐ Kiến thức bổ sung

☐ Kiến thức ngành ☐ Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp

1. Tín chỉ

| Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tự học |
| --- | --- | --- | --- |
| 3 | 2 | 1 | 5 |

**II. Thông tin về môn học**

* 1. Môn học điều kiện:

| **Số** | **Môn học điều kiện** | **Mã môn học** |
| --- | --- | --- |
|  | Môn học tiên quyết |  |
|  | N / A |  |
|  | Môn học trước |  |
|  | KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3 | ACCO3301 |
| 3. | Môn học song hành |  |
|  | N / A |  |

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học

| **Mục tiêu môn học** | **Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học** | |
| --- | --- | --- |
| CO1. Xem xét sự phát triển và vai trò của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. | CLO1: | Giải thích sự cần thiết của một bộ chuẩn mực kế toán quốc tế chất lượng cao duy nhất |
| CLO2: | Xác định các cơ quan thiết lập chính sách chính và vai trò của họ trong quá trình thiết lập tiêu chuẩn |
| CLO3: | Mô tả các bước chính trong quy trình thiết lập tiêu chuẩn |
| CO2. Áp dụng cách xử lý kế toán cho các khoản mục cơ bản theo yêu cầu trong Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. | CLO4: | Áp dụng nguyên tắc kế toán đối với Hàng tồn kho |
| CLO5: | Áp dụng nguyên tắc kế toán đối với PPE |
| CLO6: | Áp dụng nguyên tắc kế toán đối với Doanh thu |
| CLO7: | Áp dụng nguyên tắc kế toán đối với Tài sản cho thuê |
| CLO8: | Áp dụng nguyên tắc kế toán đối với thuế Thu nhập |
| CLO9: | Áp dụng nguyên tắc xử lý kế toán đối với Ảnh hưởng của Thay đổi Tỷ giá hối đoái |
| CO3. Đánh giá sự khác biệt giữa Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. | CLO10: | Nêu sự khác biệt giữa Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. |
| CLO11: | Đánh giá tác động từ sự khác biệt giữa IFRS và VAS đối với quá trình kế toán. |
| CO4. Thực hiện công việc một cách độc lập. | CLO12: | Hoàn thành các nhiệm vụ được giao kịp thời và hiệu quả |
| CLO13: | Tích cực tham gia vào các cuộc thảo luận gợi ý |

1. Đánh giá môn học

| **Các yếu tố đánh giá** | **Hình thức Đánh giá** | **Thời gian** | **CĐR môn học** | **Tỷ lệ** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá quá trình | A.1.1 Thảo luận | Trong suốt khóa học | Tất cả CLO | 5% | |
| A.1.2 Loại câu hỏi trắc nghiệm | 10% | |
| A.1.3 Bài tập thực hành | Sau chương 3, 5, 6 và 7 |  | 10% | |
| **Tổng cộng** |  |  | **25%** | |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | A.2.1 Kiểm tra giữa kỳ: (dạng câu hỏi trắc nghiệm) | Sau chương 5 | CLO1-CLO7  CLO10-CLO11 | 25% | |
| **Tổng cộng** |  |  | **25%** | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | A.3.1 Kiểm tra cuối kỳ: (dạng câu hỏi trắc nghiệm) | Vào cuối khóa học | Tất cả CLO | 50% | |
| **Tổng cộng** |  |  | **50%** | |
| **Tổng cộng** | |  |  | **100%** |  |

1. Lịch trình giảng dạy:

| **Buổi** | **Nội dung** | **CLO** | **Hoạt động dạy và học** | **Đánh giá** | **Tài liệu môn học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Giới thiệu về | CLO1 | Lý thuyết cho Chương 1 | A.1.1 | [2] Chương 1,2 |
| Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế | CLO2 | Thảo luận [TL01] | A.1.2 |
| 1.1 Làm thế nào toàn cầu nền kinh tế hoạt động? | CLO12 | Câu hỏi trắc nghiệm [TN01] |  |
| 1.2 Sự hội tụ quốc tế của các chuẩn mực kế toán | CLO13 |  |  |
| 1.3 Lịch sử của IASB |  |  |  |
| 2 | Chương 1: (Tiếp) | CLO3 | Lý thuyết cho Chương 1 | A.1.2 | [2] Chương 1,2 |
| 1.4 Quy trình thiết lập tiêu chuẩn IFRS | CLO12 |  |
| 1.5 Dựa trên nguyên tắc so với dựa trên quy tắc |  |  |
| 1.6 Khung khái niệm |  |  |
| 3 | Chương 2: Hàng tồn kho | CLO4 | Lý thuyết cho Chương 2 |  | [1] |
| 2.1 Các định nghĩa trong IAS 2 | CLO12 | Bài tập tự luận [BT01] | IAS 2 |
| 2.2 Giá vốn hàng tồn kho |  | Câu hỏi trắc nghiệm [TN03] | [2] Chương 8 |
| 2.3 Đo lường chi phí |  |  |  |
| 2.4 Công thức chi phí |  |  |  |
| 4 | Chương 2: (Tiếp) | CLO4 | Lý thuyết cho Chương 2 (Tiếp) và Chương 3 | A.1.2 | [1] |
| 2.5 Giá trị ròng có thể thực hiện được | CLO5 |  | IAS 16 |
| 2.6 Báo cáo | CLO10 | Câu hỏi trắc nghiệm [TN04] | [2] Chương 9 |
| 2.7 IAS 2 và VAS 2 | CLO11 |  |  |
| Chương 3: Nhà máy, Tài sản và Thiết bị (PPE) | CLO12 |  |  |
| 3.1 Các định nghĩa trong IAS 16 |  |  |  |
| 3.2 Công nhận |  |  |  |
| 5 | Chương 3: (Tiếp) | CLO5 | Lý thuyết cho Chương 3 tt. | A.1.1 | [1] |
| 3.3 Đo PPE | CLO10 | Thảo luận [TL02] | A.1.2 | IAS 16 |
| 3.4 Đánh giá lại | CLO11 | Câu hỏi trắc nghiệm [TN05] |  | [2] Chương 9 |
| 3.5 Các phương pháp khấu hao | CLO12 |  |  |  |
| 3.6 Vô hiệu hóa | CLO13 |  |  |  |
| 3.7 Báo cáo |  |  |  |  |
| 3.8 IAS 16 và VAS 03 |  |  |  |  |
| 6 | Bài tập thực hành | CLO7 | Bài tập thực hành | A.1.3 |  |
| [TH01] |
| 7 | Chương 4: Doanh thu | CLO6 | Lý thuyết cho Chương 4 | A.1.2 | [1] |
| 4.1 Các định nghĩa trong IFRS 15 | CLO10 | Dạng bài tập tự luận [BT02] | IFRS 15 |
| 4.2 Nguyên tắc báo cáo doanh thu | CLO11 | Dạng câu hỏi trắc nghiệm [TN06] | [2] |
| 4.3 Mô hình 5 bước trong việc ghi nhận doanh thu | CLO12 |  | Chương 20 |
| 4.4 Tiết lộ |  |  |  |
| 4.5 IFRS 15 và VAS 14 |  |  |  |
| 8 | Chương 5: Cho thuê | CLO7 | Lý thuyết cho Chương 5 | A.1.1 | [1] |
| 5.1 Các định nghĩa trong IFRS 16 | CLO10 | Thảo luận [TL03] | A.1.2 | IAS 17 |
| 5.2 Phân loại hợp đồng thuê | CLO11 | Câu hỏi trắc nghiệm [TN07] |  | [2] |
| 5.3 Kế toán các khoản cho thuê | CLO12 |  |  | Chương 22 |
| 5.4 Phân bổ chi phí cho thuê tài chính | CLO13 |  |  |  |
| 5.5 Báo cáo |  |  |  |  |
| 5.6 IFRS 16 và VAS 6 |  |  |  |  |
| 9 | Bài tập thực hành | CLO7 | Bài tập thực hành | A.1.3 | [1] |
| [TH02] | IAS 17 |
|  | [2] |
|  | Chương 22 |
| 10 | Ôn tập + Kiểm tra giữa kỳ |  | Ôn tập + Kiểm tra giữa kỳ | A.2.1 |  |
| 11 | Chương 6: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái | CLO9 | Lý thuyết cho Chương 6 | A.1.2 | [1] |
| 6.1 Các định nghĩa trong IAS 21 | CLO10 | Bài tập [BT03] | IAS 21 |
| 6.2 Xác định đơn vị tiền tệ chức năng | CLO11 | Câu hỏi trắc nghiệm [TN08] | [2] |
| 6.3 Báo cáo các giao dịch ngoại tệ theo đơn vị tiền tệ chức năng | CLO12 |  | Chương 23 |
| 6.4 Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái |  |  |  |
| 6.5 Dịch sang đơn vị tiền tệ của bản trình bày |  |  |  |
| 6.6 Báo cáo |  |  |  |
| 6.7 IAS 21 và VAS 10 |  |  |  |
| 12 | Bài tập thực hành | CLO9 | Bài tập thực hành | A.1.3 |  |
| [TH03] |
| 13 | Chương 7: Thuế thu nhập | CLO8 | Lý thuyết cho Chương 7 | A.1.2 | [1] |
| 7.1 Các định nghĩa trong IAS 12 | CLO10 | Câu hỏi trắc nghiệm [TN09] | IAS 12 |
| 7.2 Cơ sở tính thuế | CLO12 |  | [2] |
| 7.3 Chênh lệch tạm thời |  |  | Chương 26 |
| 7.4 Thuế hiện hành |  |  |  |
| 7.5 Thuế hoãn lại |  |  |  |
| 7.6 Tiết lộ |  |  |  |
| 7.7 IAS 12 và VAS 17 |  |  |  |
| 14 | Bài tập thực hành |  | Bài tập thực hành |  |  |
| [BTTH04] |

1. Quy định môn học

- Quy định về các bài tập đánh giá:

o Học sinh có nghĩa vụ hoàn thành và nộp bài tập trong khung thời gian quy định.

- Quy định chuyên cần:

o Trong trường hợp vắng mặt quá 20% số ngày chuyên cần trở lên, học sinh không được tham gia đánh giá cuối kỳ.

- Nội quy trong lớp:

o Tích cực tham gia thảo luận trong lớp và hoàn thành các hoạt động học tập khác được giao.

o Cố gắng đọc trước tài liệu cần thiết trước khi đến lớp.

o Hoàn thành bài tập về nhà bắt buộc

| **TRƯỞNG KHOA**  **TS Thụy Hồ Hữu** |  | **THIẾT KẾ BỞI**  **ThS. Vương Minh Phạm** |
| --- | --- | --- |